

Bản án số: 32/2017/HSST.

Ngày: 21 /6/2017.

## **NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- **Ông Phạm Văn Khải**
- **Các hội thẩm nhân dân:**
  - Ông Lưu Bá Khôi
  - Bà Phạm Thị Hồng Nhung
- **Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:**  
Bà Phạm Anh Bích - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai.
- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai, tp Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Vũ- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2017 tại: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã CV, huyện T, TP Hà Nội; xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số 31/2017/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn TH**; sinh năm 1988

Quê quán: Xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

HKTT: Thôn Q xã T, huyện T, thành phố Hà Nội ;Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên bố: Nguyễn Văn T, sinh năm 1953; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Họ và tên mẹ: Hoàng Thị A, sinh năm 1955; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Anh, chị, em ruột: Không; Vợ: Bùi Thị H, sinh năm 1989; Con: bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án.

1. Ngày 27/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chưa được xóa án tích.

2. Ngày 25/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, được trích xuất có mặt tại phiên tòa

### **Người bị hại:**

Chị Triệu Thị P, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Thôn N, xã S, huyện H, TP Hà Nội.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953( vắng mặt)

Trú tại: Thôn Q, xã T, huyện,T, TP.Hà Nội

- Anh Đỗ Phạm Anh T, sinh năm 1985( vắng mặt)

Trú tại: Khu TB, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình

- Anh Hoàng Ngọc H, sinh năm 1985( vắng mặt)

Trú tại: Khu M, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bị cáo Nguyễn Văn Th bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Chiều 30/12/2016 Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988, trú tại thôn Q, xã T, huyện T, đi xe mô tô biển kiểm soát 33P6-7600 xuống xã T, huyện H chơi. Khoảng 18 giờ thì Th đi về theo quốc lộ 21b, hướng Vân Đình đi Hà Đông. Khi đi đến thôn H, xã H, huyện T thì Th phát hiện thấy phía trước cùng chiều có chị Triệu Thị P, sinh năm 1985, trú tại xã S , huyện H, điều khiển xe AIRBLADE, tại khung xe máy có 01 túi xách màu đỏ, nên Th nảy sinh ý định cướp giật chiếc túi xách. Th cho xe chậm lại bám theo phía sau chị P đến khu vực ngã ba thôn N, xã H, quan sát thấy vắng người Th liền điều khiển xe máy lên ngang sát phía bên phải xe máy của chị P, rồi dùng tay trái giật chiếc túi khỏi khung xe máy. Sau khi giật được chiếc túi xách, Th điều khiển xe bỏ chạy về hướng xã L, chị P điều khiển xe đuổi theo đến nhà văn hóa thôn H thì bị ngã xe, nên không đuổi theo nữa. Còn Th đi đến cánh đồng gần Trường tiểu học xã T thì dừng xe kiểm tra thấy trong túi xách có 01 chiếc điện thoại Huawei màu vàng, 01 chiếc ví nữ màu xanh, bên trong ví có 7.000.000 triệu đồng, 01 thẻ ATM, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ đảng viên đều mang tên Triệu Thị P và 01 bộ quần áo trẻ em. Th lấy số tiền trong ví cất vào người, rồi cho ví và các giấy tờ tùy thân cùng bộ quần áo vào túi xách vứt xuống cánh đồng thôn P, xã T, còn chiếc điện thoại Huawei, Th tắt nguồn và chôn ở bờ ruộng gần vị trí ném túi. Đến ngày 03/01/2017 Th ra lấy điện thoại về lắp sim vào kiểm tra thấy vẫn hoạt động nên cất giấu để mang đi tiêu thụ.

Ngày 15/01/2017 Th đi vào quê vợ ở thị trấn B, huyện K, tỉnh Hoà Bình chơi. Do hết tiền tiêu sài Th gọi điện cho Đỗ Phạm Anh T, sinh năm 1985, trú tại khu T, thị trấn B, Th nhờ T dẫn đến cửa hàng điện thoại của anh Hoàng Ngọc H, sinh năm 1985, trú tại thôn M, xã H, huyện K cầm cố chiếc điện thoại đã cướp giật của chị P lấy 600.000 đồng. Ngày 23/01/2017 Th gọi điện cho T nói là không chuộc chiếc điện thoại cầm cố nữa, nên T đã bỏ ra 600.000 đồng chuộc chiếc điện thoại này về sử dụng.

Đến ngày 17/3/2017 Nguyễn Văn Th đến Công an T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trên cơ sở lời khai của Th ngày 19/3/2017 Cơ

quan điều tra đã thu giữ được chiếc máy điện thoại Huawei màu vàng, có số IMEI:869537025590830 từ Đỗ Phạm Anh T.

Tang vật, tài sản thu giữ: Một điện thoại Huawei có vỏ màu vàng, có số Imei 1:869537025590838; Imei2: 869537025621849 đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14, ngày 24/4/2017 của Hội đồng định giá huyện T kết luận: 01 điện thoại Huawei có vỏ màu vàng, có số Imei 1:869537025590838; Imei2: 869537025621849. Tài sản đã qua sử dụng trị giá là 1.300.000 đồng.

Cáo trạng số 32 ngày 25 tháng 5 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại Khoản 2 điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Người bị hại Chị Triệu Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Th phải trả lại chị số tiền 7.000.000đồng

Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố với bị cáo và đề nghị áp dụng: Điểm c,d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 5 đến 6 năm tù, buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 30/12/2016, tại quốc lộ 21b, thuộc thôn N, xã H, huyện T, Thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn Th đã dùng thủ đoạn nguy hiểm điều khiển xe mô tô cướp giật của người đang tham gia giao thông là chị Triệu Thị P 01chiếc túi sách giả da màu đỏ, bên trong túi sách có 7.000.000đ, 01 điện thoại di động Huawei màu vàng trị giá 1.300.000đ và một thẻ ATM, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ đảng viên đều mang tên Triệu Thị P, 01 bộ quần áo trẻ em. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt được là 8.300.000đ. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến sức khỏe và tài sản của chị P, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân Bị cáo có 02 tiền án. Ngày 27/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chưa được xóa án tích. Ngày 25/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chưa được xóa án tích. Như vậy lần phạm

tội này của bị cáo thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm và tái phạm nguy hiểm, xét cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo một thời gian dài mới có thể cải tạo và giáo dục bị trở thành công dân có ích cho xã hội, tuy nhiên khi lên mức hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo bởi quá trình điều tra khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải.

Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng vụ án: 01 chiếc túi sách giả da màu đỏ, một thẻ ATM, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ đảng viên đều mang tên Triệu Thị P, 01 bộ quần áo trẻ em, bị cáo khai đã vớt tại cánh đồng xã T, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy, nên không đề cập xử lý là có căn cứ. Một điện thoại Huawei có vỏ màu vàng, có số Imei 1:869537025590838; Imei2: 869537025621849 đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị P là có căn cứ đúng pháp luật. Đối với Hoàng Ngọc H và Đỗ Phạm Anh T đã có hành vi cầm cố và chuộc chiếc điện thoại của chị P để sử dụng, quá trình điều tra cả T và H đều không biết chiếc điện thoại là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T và H.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 33P6-7600 do Nguyễn Văn Th mượn của Ông Nguyễn Văn T sử dụng vào việc cướp giật tài sản, quá trình điều tra làm rõ: Ông T không biết Th đã sử dụng tài sản của mình vào việc phạm tội và sau đó ông T đã bán chiếc xe này cho người đi đờng không rõ địa chỉ. Vì vậy không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: cần buộc bị cáo phải bồi thường trả chị P số tiền là 7.000.000đ.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “*Cướp giật tài sản*”

Áp dụng Khoản 2 Điểm c,d Điều 136; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình Sự 1999.

Phạt: Nguyễn Văn Th: 05(năm) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi thường cho chị Triệu Thị P số tiền là 7.000.000đ(bảy triệu đồng chẵn) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự và Pháp lệnh án phí Lệ phí Toà án. Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Buộc Nguyễn Văn Th phải nộp 200.000đ(hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 350.000đ(ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Oai;
- Công an huyện Thanh Oai;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

***PHẠM VĂN KHẢI***